

Bản án số: 261/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11/9/2020

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Nguyễn Tấn Thúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng: Bà Trần Lê Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 101/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2020/QĐST0HNGĐ ngày 07/9/2020 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Kim C, sinh năm: 1989. Địa chỉ: đường H11, phường t, quận L, Tp. Đà Nẵng. Ở hiện nay: đường P, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Từ Trung T, sinh năm: 1988. Địa chỉ: đường H11, phường t, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 14/2/2020, bảng tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Kim C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Từ Trung T kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 13/3/2019). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại đường H11, phường t, quận L, Tp. Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Vợ chồng hiện nay không còn sống chung với nhau nữa, bà đã về sống tại nhà của chị ruột tại đường P, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng; còn ông T vẫn sống tại đường H11, phường t, quận L, thành phố Đà Nẵng. Nay bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức

trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với ông T
Về con chung: Ông bà không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác định vợ chồng không có.

Đối với bị đơn ông Từ Trung T: Mặc dù ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải (2 lần), Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Kim C.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hoàng Kim C đối với ông Từ Trung T.

Về con chung: Bà C xác định vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C xác định vợ chồng không có nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/2/2020 thì nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông T, không yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung và nợ chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn”.

[1.2] Về thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn ông Từ Trung T có hộ khẩu thường trú tại đường H11, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ có thẩm quyền giải quyết.

[1.3] Bị đơn ông Từ Trung T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Hoàng Kim C và ông Từ Trung T tự nguyện kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 13/3/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại đường H11, phường t, quận L, Tp. Đà Nẵng. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà C, HĐXX nhận thấy: sau khoảng thời gian sống chung, vợ chồng ông đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng hiện nay không còn sống chung với nhau nữa, bà đã về sống tại nhà của chị ruột tại đường P, phường G, quận K, thành phố Đà Nẵng; còn ông T vẫn sống tại đường H11, phường t, quận L, thành phố Đà Nẵng. Ngoài ra, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng hay để Tòa án tiến hành hòa giải. Điều này chứng tỏ ông T không muốn hàn gắn cũng như tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà C.

Do mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà C và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và tại phiên tòa, bà C xác định không còn tình cảm với ông T nữa nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Hoàng Kim C đối với ông Từ Trung T.

[2.2] Về con chung: Bà C xác định ông bà không có con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà C xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa phù hợp với phân tích nêu trên nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Hoàng Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Kim C đối với ông Từ Trung T về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Kim C được ly hôn với ông Từ Trung T.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Hoàng Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001069 ngày 11/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà C đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND P. Hòa Cường Nam;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hưng